

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 156/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23 – 12 – 2022

V/v tranh chấp về hôn nhân và
gia đình ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Hồng Biên.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Văn Dài.
- Ông Trần Quang Vinh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Bích - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 23 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 287/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 146/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Mai Thị B, sinh năm 1990.

Địa chỉ cư trú: Số **, đường TQT, khu phố **, thị trấn YN, huyện YK, tỉnh NB.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Chí L, sinh năm 1990.

Địa chỉ cư trú: Số **, ấp TA, xã TH, huyện TB, tỉnh ĐT.

Anh Nguyễn Chí L là bị đơn có mặt tại phiên tòa; chị Mai Thị B là nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có lý do (Có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Mai Thị B trình bày:

- **Về hôn nhân:** Chị Mai Thị B và Anh Nguyễn Chí L kết hôn năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TH, huyện TB, tỉnh ĐT vào ngày 06/9/2013. Hôn nhân giữa chị B và anh L được xây dựng trên cơ sở tự tìm hiểu và có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau đó, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hòa hợp trong cuộc sống. Ngoài ra, anh L có tham gia đánh bạc, chị B khuyên bảo nhiều lần nhưng anh L không thay đổi. Chị B và anh L sống ly thân từ năm 2019 đến nay, khoảng thời gian sống ly thân vợ chồng không có hàn gắn tình cảm với nhau. Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn, mỗi người đều có đời sống riêng.

Chị Mai Thị B yêu cầu ly hôn với Anh Nguyễn Chí L.

- *Về con chung*: Chị B và anh L có một con chung tên Nguyễn Tấn P, sinh ngày 01/10/2015. Hiện nay, cháu P đang sống chung với chị B. Sau khi ly hôn, chị B yêu cầu được nuôi dưỡng cháu P, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Anh Nguyễn Chí L trình bày:

- *Về hôn nhân*: Anh L thống nhất, anh L và chị B kết hôn năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TH, huyện TB, tỉnh ĐT vào ngày 06/9/2013. Hôn nhân giữa chị B và anh L được xây dựng trên cơ sở tự tình nguyện và có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau đó, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong công việc. Ngoài ra, anh L thừa nhận trong khoảng thời gian sống chung anh có tham gia đánh bạc nhưng hiện nay không còn. Anh L cũng thống nhất, chị B và anh L sống ly thân từ năm 2019 đến nay, khoảng thời gian sống ly thân vợ chồng không có hàn gắn tình cảm với nhau.

Tuy nhiên, vì con chung nên Anh Nguyễn Chí L không đồng ý ly hôn với chị Mai Thị B.

- *Về con chung*: Anh L thống nhất, chị B và anh L có một con chung tên Nguyễn Tấn P, sinh ngày 01/10/2015. Hiện nay, cháu P đang sống chung với chị B. Sau khi ly hôn, anh L yêu cầu được nuôi dưỡng cháu P, không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Giấy chứng nhận kết hôn (Bản sao chứng thực);

- Giấy khai sinh của Nguyễn Tấn P (Bản sao chứng thực);

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị B và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là

“*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn Anh Nguyễn Chí L cư trú tại số **, ấp TA, xã TH, huyện TB, tỉnh ĐT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chị Mai Thị B được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa và có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị B theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Mai Thị B yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Chí L.

Xét thấy, chị B và anh L kết hôn năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TH, huyện TB, tỉnh ĐT vào ngày 06/9/2013, là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Tuy nhiên trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, không hòa hợp trong cuộc sống. Chị B và anh L ly thân từ năm 2019 đến nay, trong khoảng thời gian sống ly thân vợ chồng không có hàn gắn tình cảm với nhau. Hơn nữa, chị B và anh L đều xác định giữa chị, anh không còn tình cảm với nhau, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống.

Như vậy, có cơ sở xác định hôn nhân giữa chị B và anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, chị Mai Thị B yêu cầu ly hôn với Anh Nguyễn Chí L là phù hợp theo quy định tại Điều 51, Điều 53 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị Mai Thị B yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Tấn P, sinh ngày 01/10/2015.

Xét thấy, chị B và anh L đều xác định, hiện nay chị B là người trực tiếp trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu P. Ngoài ra, tại Bản khai ngày 18/11/2022, cháu P có nguyện vọng sống chung với chị B. Do đó, để tránh thay đổi môi trường sống và đảm bảo cho cháu P có sự phát triển toàn diện cả về vật chất và tinh thần. Vì vậy, cần giao con chung là Nguyễn Tấn P cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Sau khi ly hôn, chị B và anh L có quyền, nghĩa vụ trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở; chị B cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; anh L lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị B có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của anh Bình theo quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị B không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung, anh L không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Xét ý kiến của Anh Nguyễn Chí L, cụ thể: Về hôn nhân: Anh Nguyễn Chí L không đồng ý ly hôn với chị Mai Thị B; về con chung: Anh Nguyễn Chí L yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Tấn P, sinh ngày 01/10/2015.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, anh L thừa nhận anh và chị B sống ly thân từ năm 2019 đến nay, trong khoảng thời gian sống ly thân vợ chồng không có hàn gắn tình cảm với nhau, mỗi người đều có cuộc sống riêng. Tại phiên tòa, anh L cũng không trình bày được phương thức hàn gắn tình cảm vợ chồng cũng như cách khắc phục mâu thuẫn giữa anh và chị B. Đối với con chung, anh cũng không phải là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu P. Vì vậy, ý kiến của anh L là không đồng ý ly hôn và yêu cầu được nuôi dưỡng con chung là không có căn cứ chấp nhận.

[2.4] *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị B, anh L đều xác định, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Mai Thị B phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm a khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị B.

- *Về hôn nhân:* Chị Mai Thị B được ly hôn với Anh Nguyễn Chí L.

- *Về con chung:* Giao con chung tên Nguyễn Tấn P, sinh ngày 01/10/2015 cho chị Mai Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do chị B không yêu cầu.

Chị B và anh L có quyền, nghĩa trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- *Về án phí:* Chị Mai Thị B phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án,

số: 0010488 ngày 17/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình. Như vậy, chị B đã nộp đủ tiền án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CC THA DS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã TH, huyện TB (Số 107/2013);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Văn Hồng Biên